

Số: 12/2018/QĐ-PT

Tuyên Quang, ngày 24 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lưu Hồ Loan
Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Chương
Bà Lê Thị Oanh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Hữu Tình - Kiểm sát viên trung cấp.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 18/2018/QĐST-DS, ngày 19/3/2018.

Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219, khoản 5 Điều 165, khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Ngô Văn C**, sinh năm 1942

Địa chỉ: Thôn B, xã U, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đặng Thị H, ông Ngô Như Q và ông Hà Đức O; cùng địa chỉ: Thôn B, xã U, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

- Bà Nguyễn Thị A; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

- Ông Nguyễn Văn Y, bà Đặng Thị X; cùng địa chỉ: Buôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tại đơn kháng cáo Tòa án nhận ngày 03/4/2018 và ngày 06/4/2018 của nguyên đơn ông Ngô Văn C, đơn ghi ngày 02/4/2018 có nội dung : Không nhất trí quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, lý do đình chỉ giải quyết vụ án trái ngược, đối đầu, phản bác, đi ngược với kết luận của hội đồng thẩm định. Trong suốt thời gian dài kể từ khi Tòa án tiếp nhận hồ sơ, quá trình 06 tháng Tòa án điều tra đến khi thụ lý hồ sơ cho đến ngày Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nhưng thực tế vụ án vẫn đủ điều kiện; Tòa án chưa bao giờ gửi văn bản thông báo gia hạn điều tra cũng chưa bao giờ thông báo cho nguyên đơn về việc vụ án không đủ điều kiện thụ lý. Vụ án không đủ điều kiện mà Tòa án vẫn thụ lý hồ sơ, vẫn thành lập hội đồng

thẩm định, vẫn lập biên bản, gây khó khăn, cản trở gây thiệt hại cho người dân. Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự ông vẫn đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án dân sự đã thụ lý.

XÉT THẤY

Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự lý do người khởi kiện chưa có đủ điều kiện khởi kiện, lý do nêu trên là chưa cụ thể theo hướng dẫn tại mẫu số 45-DS, Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 ban hành một số biểu mẫu trong tố tụng dân sự của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tại mục (3) phần hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS trong nghị quyết quy định “Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự”. Tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự quy định *“Chưa có đủ điều kiện khởi kiện là trường hợp pháp luật có quy định về các điều kiện khởi kiện nhưng người khởi kiện đến Tòa án còn thiếu một trong các điều kiện đó”*. Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm không nêu người khởi kiện chưa có đủ điều kiện khởi kiện (còn thiếu điều kiện nào) theo quy định của pháp luật là chưa đúng với các quy định đã nêu trên.

Tại văn bản số 411/CV-TA ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương gửi UBND xã U, huyện S về việc “Đình chỉ vụ án và trả lại hồ sơ tranh chấp đất đai” có nêu Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xác định vụ án chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật, cụ thể: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T giao nộp chứng cứ 01 sổ thuế nông nghiệp gia đình số 34 do UBND thị trấn Nông trường chè R cấp ngày 04/5/1993 cho ông Nguyễn Quốc S thửa đất số 49, tờ bản đồ số 132 (hiện đang có tranh chấp); Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2018 ông T xác định việc ông S ủy quyền cho ông tại văn bản ngày 16/8/2013 là để ông thay mặt ông S giải quyết tranh chấp đất đai do ông C khiếu kiện từ năm 2012 và đã được giải quyết xong tại biên bản hòa giải thành ngày 24/7/2014 của Sở Tài nguyên và môi trường. Sau thời điểm đó ông S chưa có văn bản ủy quyền nào khác cho ông; Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/12/2017 ông S xác định thửa đất trên là của ông được bố mẹ ông là cụ Nguyễn Huy L và cụ Lê Thị I tặng cho, ông đã kê khai nộp thuế và được cấp sổ thuế nông nghiệp, vì vậy ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C. Như vậy người có quyền sử dụng đối với thửa đất trên không phải ông Nguyễn Văn T mà là ông Nguyễn Quốc S (tên gọi khác Nguyễn Văn S), nhưng quá trình hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã U chưa đưa ông Nguyễn Quốc S tham gia hòa giải là không đúng quy định về trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013 và Điều 88 Nghị định 43 ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai. Do vụ việc chưa được hòa giải theo đúng quy định nên người khởi kiện chưa đủ điều kiện khởi kiện, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đình chỉ vụ án và chuyển hồ sơ tranh chấp cho Ủy ban nhân dân xã U thẩm tra xác minh, hòa giải lại vụ án.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng phúc thẩm thấy rằng: Ngày 15 tháng 4 năm 2016 ông Ngô Văn C có đơn đề nghị gửi thôn B và

UBND xã U huyện S đề nghị giải quyết việc gia đình ông Nguyễn Văn T lấn chiếm đất thổ cư của gia đình ông đã được Sở Tài nguyên và môi trường giải quyết ngày 24/7/2014. Ngày 15/01/2015 ông yêu cầu gia đình ông T tháo dỡ tường rào xây để trả lại đất cho gia đình ông nhưng ông T không chịu tháo dỡ. Ông đã đề nghị UBND xã giải quyết và UBND xã có thông báo số 02 ngày 20/01/2015 về việc giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất chờ cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) sẽ giải quyết dứt điểm. Gia đình ông đã được cấp GCNQSDĐ, đề nghị UBND xã giải quyết trả lại đất cho gia đình ông.

Ủy ban nhân dân xã U, huyện S khi giải quyết đơn của ông Ngô Văn C đã tiến hành xác minh đất tranh chấp thuộc thửa 49, tờ bản đồ số 132, có nguồn gốc do nông trường cắm cho ông S để làm quán kinh doanh bán thuốc thú y từ năm 1987 (có giấy tờ cắm đất nhưng đã mất), năm 1992 ông S được cấp 01 sổ thuế nông nghiệp với diện tích đất đóng thuế 40m², năm 1992 ông S được ông đội trưởng đội sản xuất số 7 của nông trường cắm cho diện tích đất phía sau (giáp đồi chè), kiểm tra bản đồ địa chính đo đạc năm 1994 đất thuộc thửa số 13 tờ bản đồ 105 diện tích 115m² loại đất ở. Gia đình ông S sử dụng thửa đất trên từ năm 1987 đến năm 1997 thì chuyển vào xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk sinh sống đã bàn giao cho ông Nguyễn Văn T (em ruột) toàn bộ thửa đất trên để quản lý sử dụng. Năm 2008 cán bộ địa chính của Công ty chè R (trước là nông trường chè R) cắm cho ông T phần đất phía sau thửa 13 tờ bản đồ 105 (giáp đồi chè) theo bản đồ địa chính đo đạc lại năm 2012 toàn bộ diện tích đất trên thuộc thửa đất số 49 tờ bản đồ 132 diện tích 153,6m².

Diện tích đất trên gia đình ông T trực tiếp quản lý sử dụng từ năm 1997 và cho gia đình ông C mượn nhà làm kho chứa đồ sửa chữa ô tô, năm 2008 khi ông T xây tường rào (phía giáp ranh đất giữa 2 hộ) thì xảy ra tranh chấp giữa ông T và ông C, tranh chấp kéo dài đã được các cấp giải quyết nhưng không dứt điểm nên sau đó ông C tiếp tục khởi kiện tại Tòa án. Năm 2008 ông T đã lấy lại nhà đất ông C mượn và cho ông O mượn làm nghề hàn khung nhôm sắt. Trong thời gian quản lý, sử dụng đất ông T kê khai có tên trong sổ mục kê đất của xã lập năm 1994 (số thứ tự 13, trang 164, quyển số 03). Ủy ban nhân dân xã U đã thực hiện thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013 quy định về “Hòa giải tranh chấp đất đai” và Điều 88 Nghị định 43/2014/CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai”. Việc hòa giải của UBND xã U không thành.

Ông C có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án yêu cầu ông T dỡ bỏ bức tường phía trước đường Quốc lộ 2 và sau phía đồi chè để trả lại đất cho ông C, Tòa án cấp sơ thẩm sau khi xem xét đơn khởi kiện của ông C, các tài liệu và thủ tục hòa giải do UBND xã U chuyển đến thấy có đủ điều kiện đã thụ lý vụ án dân sự số 09/2017/TLST-DS về việc kiện “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa bà Đặng Thị H, ông Ngô Như Q, ông Hà Đức O, ông Nguyễn Văn S, bà Đặng Thị X, bà Nguyễn Thị A tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án; tiến hành thu thập chứng cứ lấy lời khai, ủy thác lấy lời khai của các đương sự, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp, xác minh theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự lý do người khởi kiện

chưa có đủ điều kiện khởi kiện là không đúng với nội dung vụ án và quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên Hội đồng phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Văn C; hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 18/2018/QĐST-DS, ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để tiếp tục giải quyết vụ án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm hủy quyết định sơ thẩm nên ông Ngô Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Nghĩa vụ chịu án phí và chi phí định giá tài sản được xác định lại khi tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm c khoản 5 Điều 314; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 18/2018/QĐST-DS, ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để tiếp tục giải quyết vụ án.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Nghĩa vụ chịu án phí và chi phí định giá tài sản được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Lưu Hồ Loan